

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2018/DS-PT

Ngày: 07-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Lê Ngọc Tường**
2/ Bà **Nguyễn Thị Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tào Minh Quân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 01; ngày 05 tháng 02; ngày 02 tháng 3 và ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 577/2017/TLPT - DS ngày 03/11/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2988/2017/QĐ – PT, ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Thanh S**, sinh năm 1955; (có mặt ngày 15/01/2018, vắng mặt ngày 05/02/2018, ngày 02/3/2018 và ngày 07/3/2018)

Địa chỉ: 137/3 đường C, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của ông S có ông **Nguyễn T**, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Phòng K, Lầu A, số 41 – 43 đường T, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 016045 ngày 21/11/2016 tại Văn phòng công chứng C).

2. *Bị đơn:* Ông **Đinh Xuân L**, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: 281 đường L, Tổ B, Khu phố M, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà **Lê Trang Đ**, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: 281 đường L, Tổ B, Khu phố M, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà **Đào Phương H**, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ: 137/3 đường C, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông **Đinh Xuân L** – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn là ông Đỗ Thanh S có ông Nguyễn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/01/2014, ông Đinh Xuân L ký giấy vay ông Đỗ Thanh S số tiền 860.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng. Tính đến ngày 26/8/2014, ông L đã trả nợ gốc là 334.000.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày 01/01/2014 đến ngày 26/8/2014. Từ ngày 26/8/2014 đến nay ông L đã không thực hiện đúng cam kết. Nay ông S yêu cầu ông L thanh toán các khoản tiền nợ gồm: Nợ gốc: 526.000.000 đồng. Nợ lãi từ ngày 26/8/2014 đến 30/12/2014 là: 42.080.000 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 20/11/2016 là 100.550.160 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện đồng ý điều chỉnh lãi suất 0,75%/tháng cho cả phần lãi ông L đã thanh toán và phần lãi trong hạn, quá hạn chưa thanh toán. Đồng thời căn trừ số tiền lãi thanh toán theo lãi suất 2% vượt quá vào nợ gốc cho ông L.

Yêu cầu ông L thanh toán 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bị đơn ông Đinh Xuân L trình bày:

Ông xác nhận có ký giấy nợ nêu trên nhưng tính đến ngày 01/5/2014 ông chỉ còn nợ ông S số tiền 602.039.000 đồng. Sau khi thống nhất số nợ này hai bên đã thỏa thuận miệng không tính lãi. Ngày 30/6/2014, ông đã thanh toán cho ông S 100.000.000 đồng. Ngày 26/8/2014 trả 20.000.000 đồng, ngày 20/7/2015 trả 2.000.000 đồng và ngày 29/7/2015 trả 30.000.000 đồng.

Ông L có yêu cầu phản tố do ông và ông S hợp tác thực hiện gói thầu số 42 và có ký hợp đồng kinh tế số 13 ngày 13/6/2013. Phát sinh từ hợp đồng này, ông S nợ tiền thi công của ông là 587.241.000 đồng. Ngoài ra, ông S còn tạm ứng số tiền của công ty ông L là 500.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 19/7/2013. Tổng cộng ông S nợ ông là 1.087.241.000 đồng. Ông đề nghị căn trừ vào số nợ ông S đòi ông. Sau khi căn trừ, ông S còn phải thanh toán cho ông 637.241.000 đồng trong đó có 137.000.000 đồng ông đã nêu trong nội dung đơn yêu cầu phản tố và 500.000.000 đồng là tiền thể hiện trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 ông yêu cầu bổ sung. Ông L cho rằng việc ông hợp tác với ông S không liên quan đến bà Đài vợ ông nên ông không đồng ý bà Đài tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Phương H trình bày:

Bà có cùng ý kiến và yêu cầu với ông S. Bà không có yêu cầu nào khác và đề nghị được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Trang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại tòa.

Bản án số 47/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Thanh S, buộc ông Đinh Xuân L thanh toán cho ông Đỗ Thanh S số tiền 585.767.803 (năm trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ ba) đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ khi ông S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2017, bị đơn ông Đinh Xuân L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Đinh Xuân L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không đồng ý hòa giải, thỏa thuận với nhau.

Bị đơn ông Đinh Xuân L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu cản trừ số tiền ông S còn nợ ông L là 1.239.241.000 đồng vào số tiền ông L còn nợ ông S là 602.039.000 đồng; Yêu cầu nguyên đơn ông S phải trả lại cho ông số tiền sau khi cản trừ là 637.202.000 đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy ghi nợ ngày 01/01/2014 thể hiện ông L và ông S có ký giấy nợ số tiền 860.000.000 đồng, tuy nhiên số nợ thực tế là 630.425.000 đồng, tính đến ngày 01/5/2014, số nợ gốc còn lại là 602.039.000 đồng và hai bên đã xác nhận là đúng. Xét kháng cáo ông L yêu cầu cản trừ số tiền ông S còn nợ ông L phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 13 giữa Công ty Cổ phần nhập khẩu và xây dựng công trình A và Công ty K. Do hợp đồng trên là quan hệ giao dịch kinh doanh thương mại, nên không có căn cứ để giải quyết

chung trong cùng một vụ án. Các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng cao hơn mức lãi suất luật định. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh lãi cả phần lãi đã thanh toán và phần chưa thanh toán với mức lãi suất 0.75%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền án phí là phù hợp quy định pháp luật. Tòa sơ thẩm chưa xét yêu cầu phản tố của ông L nhưng tính án phí cho bị đơn là không đúng.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đinh Xuân L; Sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bà Lê Trang Đ và bà Đào Phương H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Xuân L, xét thấy:

[2.1] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/01/2014 (Bút lục 62) thể hiện ông Đinh Xuân L ký vay ông Đỗ Thanh S số tiền 860.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Ông L mượn tiền của ông S để mua xe làm công trình và mượn với tư cách cá nhân với cá nhân, không thể hiện liên quan đến Công ty. Do đó, Tòa sơ thẩm tuyên xử buộc ông L phải có trách nhiệm trả số nợ còn thiếu cho ông S theo giấy nợ này là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của ông L yêu cầu cản trừ số tiền ông S còn nợ ông L phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 13 ký giữa Công ty A và Công ty K; yêu cầu cản trừ số tiền 500.000.000 đồng ông S nhận theo phiếu chi năm 2013:

Xét thấy, căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/01/2014 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là giao dịch vay mượn tiền giữa cá nhân ông Đỗ Thanh S và ông Đinh Xuân L. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của ông S không thừa nhận số tiền nợ liên quan đến số tiền phát sinh giữa hai công ty từ hợp đồng kinh tế số 13. Chính ông L cũng xác nhận số tiền nợ trên giấy nhận nợ ngày 01/01/2014 là tiền vay mua xe. Chữ viết và chữ ký của ông L trên giấy mượn tiền thể hiện cá nhân ông L mượn tiền của cá nhân ông S, không có nội dung nào thể hiện liên quan đến tiền nợ giữa hai công ty. Do đó, Tòa án sơ thẩm giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông L và ông S và buộc ông L trả tiền với tư cách cá nhân là đúng.

Quan hệ hợp đồng giữa Công ty A do ông Đỗ Thanh S là người đại diện theo ủy quyền thực hiện với Công ty K do ông Đinh Xuân L là người đại diện theo pháp luật là quan hệ giao dịch kinh doanh thương mại, nếu có sẽ được giải

quyết trong vụ án khác. Do đó, không thể giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kinh doanh thương mại giữa hai Công ty trong cùng vụ án. Kháng cáo của ông L yêu cầu cần trừ tiền nợ phát sinh trong hợp đồng kinh tế giữa hai Công ty vào khoản nợ trong hợp đồng vay giữa cá nhân với cá nhân là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Tại giấy vay tiền ngày 01/01/2014 có thể hiện số nợ gốc còn lại tính đến ngày 01/5/2014 là 602.039.000 đồng. Các bên đều xác định đã thanh toán lãi 2%/tháng đầy đủ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 01/5/2014. Ông L cho rằng ngày 01/5/2014 ông S có thỏa thuận miệng với ông về việc không tính lãi nữa nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn phủ nhận không có việc thỏa thuận miệng trên. Do đó, ông L phải trả lãi theo quy định.

[2.4] Tòa án sơ thẩm đã tính toán, điều chỉnh lãi suất đã trả vượt quá quy định theo Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và áp dụng lãi suất cơ bản 9%/năm tương đương 0,75%/tháng theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 29/11/2010 có hiệu lực từ ngày 01/12/2010; Lãi suất các bên có thể thỏa thuận tối đa là $0,75\% \times 150\% = 1,125\%$ /tháng là đúng quy định.

[2.5] Tòa sơ thẩm đã tính lãi trên số nợ gốc đã trả và số nợ phải trả trừ vào số vốn gốc. Tính đến ngày 26/8/2014, số nợ gốc ông L phải trả là 465.662.803 đồng và tiền lãi, ông L còn phải tiếp tục trả từ ngày 26/8/2014 đến thời điểm xét xử là 25/9/2017 là 03 năm 29 ngày:

$465.662.803 \times 0,75\%/tháng \times 03 \text{ năm } 29 \text{ ngày} = 129.105.000$ đồng là đúng nên giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi mà ông L phải trả cho ông S là 465.662.803 đồng + 129.105.000 đồng = 594.767.803 đồng, tuy nhiên án sơ thẩm nhầm lẫn buộc ông L trả số tiền là 585.767.803 là không chính xác nên sửa lại. Buộc ông L trả cho ông S số tiền vốn và tiền lãi là 594.767.803 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa lại số tiền bị đơn phải thi hành nên phần án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại, bị đơn phải chịu là 27.790.712 đồng. Mặt khác, Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận 6.850.000 đồng là không đúng. Do yêu cầu này Tòa sơ thẩm chưa xem xét nên bị đơn ông L không phải chịu như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Do đó, sửa án phí dân sự sơ thẩm, ông L không phải chịu án phí là 6.850.000 đồng. Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 227, Điều 228; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 305 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Xuân L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Thanh S.

Buộc ông Đinh Xuân L trả cho ông Đỗ Thanh S số tiền vốn 465.662.803 (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm lẻ ba) đồng và tiền lãi 129.105.000 (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm lẻ năm nghìn) đồng. Tổng cộng 594.767.803 (Năm trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ ba) đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

2. Kể từ khi ông S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Xuân L phải chịu án phí là 27.790.712 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười hai) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.430.050 (Ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0004871 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L còn phải nộp thêm 24.360.662 (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng.

Ông Đỗ Thanh S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí 15.372.604 (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ bốn) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0004631 ngày 02/12/2016 của Chi cục thi hành án Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đinh Xuân L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2014/0008501 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu (T 17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng